TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 21/9/2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến và bà Phan Thị Hạnh Mỹ

- Thư ký phiên Toà: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án T lý số: 122/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 63/2020/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên Tòa số: 58/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự: - Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn LTB, xã TN, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Roãn Văn T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn HT, xã ĐL, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/5/2020 cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Roãn Văn T kết hôn với nhau ngày 01/10/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xúc phạm danh dự nhau vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay là khoảng 10 năm. Chị xác định không còn T cảm với anh T, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên

anh xin được ly hôn anh Roãn Văn T. Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Nhập là mẹ đẻ của anh T trình bày: Lý do mâu thuẫn giữa chị T và anh T là do tính T không hợp, vợ chồng chị T và anh T không có con và đã sống ly thân. Quan điểm đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn là anh Roãn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc Tòa án T lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa nhưng anh T cố T không đến Tòa án.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Roãn Văn T. Về quan hệ con chung: Không có con chung nên không phải giải quyết. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt của nguyên đơn.

Anh Roãn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Roãn Văn T kết hôn với nhau có đăng ký ngày 1/10/2005, tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa chị T và anh T không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Giữa chị T và anh T đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Anh T không đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên Tòa chứng tỏ anh T bỏ mặc, không quan tâm đến chị T, thể hiện

không thiện chí trong việc cải thiện T trạng hôn nhân đang mâu thuẫn trong khi chị T xác định không còn T cảm vợ chồng với anh T, kiên quyết xin ly hôn anh T. Như vậy, T trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh T không có con chung nên không phải giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung chị T khai: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có văn bản gửi Tòa thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản và không có lời khai về phần tài sản, không có mặt tại phiên tiếp cận chứng cứ công khai và hòa giải, tại phiên Tòa. Do đó phần tài sản Tòa án không giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu chia tài sản phải thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án sẽ T lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Roãn Văn T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1, khoản 3 điều 228, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016 án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Roãn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Không có con chung nên không phải giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Tòa án không giải quyết về phần tài sản. Khi nào chị T và anh T có yêu cầu chia tài sản phải thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ T lý và giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0009585 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng sang tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Roãn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh